

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Xuân Vũ

Bà Vũ Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST–HNGĐ ngày 23/7/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Trần Thị C**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã Vĩ T, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh **Hoàng Ngọc D**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị C trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* chị và anh Hoàng Ngọc D kết hôn trên vào ngày 27/12/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ, chửi bới nhau, cuộc sống không thể hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Về con chung:* chị và anh D có 01 con chung Hoàng Ngọc M, sinh ngày 27/10/2006, hiện đang ở cùng anh D. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng để anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Hoàng Ngọc D nhưng anh D không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị C được ly hôn với anh D, về con chung giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị C và anh Hoàng Ngọc D kết hôn vào ngày 27/12/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ, chửi bới nhau, cuộc sống không thể hòa hợp. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn T, xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị C và anh D có 01 con chung Hoàng Ngọc M, sinh ngày 27/10/2006, kết quả xác minh xác định hiện tại con chung đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng có nơi ở và học tập ổn định, mặc dù anh D đi làm ăn xa nhưng vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, cháu M có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt cũng như nguyện vọng của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh D có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Trần Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trần Thị C được ly hôn với anh Hoàng Ngọc D.

2. *Về con chung*: giao cho anh Hoàng Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Ngọc M, sinh ngày 27/10/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* chị Trần Thị C phải chịu 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2017/0008226 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**Trần Đăng Ninh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**













